Nghe và tick V nếu từ em nghe được đúng là từ được viết trong câu.

Tick X nếu sai.

PRONUNCIATION **1. LISTEN AND TICK**

	✔	×
1.lock		
2.community		
3.kind		
4.cracker		
5.flavour		
6.fear		
7.cream		
8.grocer		
9.vampire		
10.beard		
11.fruit		
12.vary		



NEXT

PRONUNCIATION **2. Choose the word whose underlined part is pronounced differently**

Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại.

1.**A.**high	**B.**rough	**C.**tough	**D.**laugh
2.**A.**bag	**B.**frog	**C.**original	**D.**flag
3.**A.**hurricane	**B.**scarf	**C.**city	**D.**cracker
4.**A.**labour	**B.**flour	**C.**favour	**D.**honour
5.**A.**fear	**B.**earn	**C.**hear	**D.**clear

NEXT

LIVEWORKSHEETS